

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *24* /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2010

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN BẢN

Số: *167*

Ngày: *7* tháng *1* năm *2010*

Kính chuyển:.....

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng
thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng;

Xét Tờ trình số 903/TTr-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Tờ trình số 76/TTr-BXD ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi nghiên cứu và lập điều chỉnh Quy hoạch:

- Phạm vi nghiên cứu gồm 8 tỉnh, thành phố trong Vùng thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 30.404 km².

- Phạm vi, ranh giới lập điều chỉnh Quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 2.095 km².

2. Tính chất, mục tiêu và quan điểm phát triển:

a) Tính chất:

Là đô thị đặc biệt, trung tâm lớn về kinh tế, văn hoá, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước; đầu mối giao

lưu quốc tế; trung tâm công nghiệp, dịch vụ đa lĩnh vực của khu vực và Đông Nam Á.

b) Quan điểm:

- Phát huy vai trò đặc biệt của thành phố trong mối quan hệ với Vùng thành phố Hồ Chí Minh, Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, với cả nước và quốc tế;

- Phát triển hài hòa, đồng bộ giữa xây dựng mới và cải tạo chỉnh trang đô thị; giữa phát triển không gian đô thị và hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, bảo vệ môi trường;

- Phát triển thành phố hiện đại, có bản sắc; phát huy thế mạnh đặc thù sông nước, đồng thời tạo sức hấp dẫn của đô thị; nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

c) Mục tiêu phát triển:

Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh phát triển bền vững, hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa và bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng theo hướng liên kết vùng để trở thành một thành phố văn minh, hiện đại, đóng góp ngày càng lớn vào sự phát triển của khu vực phía Nam và cả nước; từng bước trở thành một trung tâm công nghiệp, dịch vụ, khoa học công nghệ của khu vực và Đông Nam Á.

d) Vị trí, vai trò và định hướng phát triển thành phố Hồ Chí Minh trong mối quan hệ với các đô thị của Vùng thành phố Hồ Chí Minh:

- Là đô thị trung tâm của Vùng thành phố Hồ Chí Minh, bố trí và hình thành các trung tâm tổng hợp và chuyên ngành về thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế kỹ thuật cao, văn hóa, giải trí, thể dục thể thao... của Vùng;

- Định hướng phát triển các công nghiệp sạch không gây ô nhiễm môi trường, có công nghệ hiện đại, hàm lượng khoa học cao và giá trị gia tăng lớn, sử dụng ít lao động phổ thông;

- Định hướng phát triển hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường hàng không để trở thành đầu mối giao thông trong Vùng và kết nối khu vực Đông Nam Bộ với Tây Nam bộ, với khu vực và quốc tế.

3. Về quy mô dân số và đất đai:

a) Dự báo dân số đến năm 2025 khoảng 10 triệu người, khách vãng lai và tạm trú (dưới 6 tháng) khoảng 2,5 triệu người ;

- Dân số khu vực nội thành khoảng 7,0 - 7,4 triệu người;

- Dân số ngoại thành khoảng 2,6 - 3,0 triệu người (trong đó dân số nông thôn khoảng 0,5 triệu người).

b) Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2025 khoảng 90.000 - 100.000 ha, trong đó khu vực nội thành khoảng 49.000 ha và khu vực ngoại thành khoảng 40.000 - 50.000 ha.

4. Mô hình phát triển và các chỉ tiêu chính:

a) Mô hình phát triển thành phố: theo mô hình tập trung - đa cực, khu vực trung tâm là khu vực nội thành với bán kính 15 km và 4 cực phát triển, cụ thể:

- Phát triển thành phố theo hướng đa tâm với trung tâm tổng hợp tại khu vực nội thành cũ và các trung tâm cấp thành phố tại bốn hướng phát triển;

- Phát triển thành phố với hai hướng chính là: hướng Đông và hướng Nam ra biển và hai hướng phụ là: hướng Tây - Bắc và hướng Tây, Tây - Nam;

- Không phát triển đô thị vùng bảo tồn nghiêm ngặt và vùng phục hồi sinh thái thuộc khu bảo tồn thiên nhiên rừng ngập mặn Cần Giờ trong Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ, các khu rừng đặc dụng, phòng hộ trên địa bàn các huyện Bình Chánh và Củ Chi;

- Phát triển đô thị gắn với mục tiêu bảo đảm quốc phòng, an ninh.

b) Các chỉ tiêu chính:

- Khu vực nội thành hiện hữu: đất xây dựng đô thị: 31,6 m²/người; đất ở: 13,1 m²/người; đất cây xanh: 2,4 m²/người; đất công trình công cộng: 2,9 m²/người;

- Khu vực nội thành phát triển mới: đất xây dựng đô thị: 104 m²/người; đất ở: 38,4 m²/người; đất cây xanh: 7,1 m²/người; đất công trình công cộng: 4,6 m²/người;

- Khu vực đô thị tại các huyện ngoại thành: đất xây dựng đô thị: 110 m²/người; đất ở: 50 m²/người; đất cây xanh: 12 m²/người; đất công trình công cộng: 5 m²/người.

5. Định hướng phát triển không gian thành phố:

a) Hướng phát triển không gian của thành phố:

Khu đô thị trung tâm của thành phố là khu vực nội thành hiện hữu, khu đô thị mới Thủ Thiêm và mở rộng phát triển theo các hướng như sau:

- Hướng chính phía Đông: hành lang phát triển là tuyến cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây và dọc tuyến xa lộ Hà Nội phát triển

các khu đô thị mới có mật độ xây dựng cao, đồng bộ về hạ tầng xã hội và kỹ thuật đô thị;

- Hướng chính phía Nam: hành lang phát triển là tuyến Nguyễn Hữu Thọ với điều kiện địa chất thủy văn đặc biệt, nhiều sông rạch, có khả năng phát triển về quỹ đất đô thị và điều kiện phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị; tuân thủ quy định bảo vệ sông rạch, phát huy thế mạnh đặc thù sông nước với mật độ xây dựng thấp, không làm giảm diện tích mặt nước phục vụ cho tiêu thoát nước của thành phố;

- Hướng phụ phía Tây - Bắc: hành lang phát triển là tuyến quốc lộ 22 (xa lộ Xuyên Á) với điều kiện tự nhiên khá thuận lợi, phát triển các khu đô thị mới, hiện đại đồng bộ về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- Hướng phụ phía Tây, Tây - Nam: hành lang phát triển là tuyến Nguyễn Văn Linh với điều kiện địa chất thủy văn không thuận lợi, việc phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị có giới hạn; tuân thủ quy định bảo vệ sông rạch, không làm giảm diện tích mặt nước phục vụ cho tiêu, thoát nước của thành phố.

b) Phân vùng phát triển thành phố:

- Vùng phát triển đô thị gồm 13 quận nội thành hiện hữu và 6 quận mới, thị trấn thuộc huyện, các khu đô thị mới phát triển;

- Vùng phát triển công nghiệp được phát triển tại các quận mới và các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè;

- Vùng sinh thái, du lịch được phát triển dọc theo sông Sài Gòn, sông Nhà Bè, sông Đồng Nai, khu sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ...;

- Vùng nông nghiệp kết hợp vành đai sinh thái được phát triển tại các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Cần Giờ;

- Các khu dân cư nông thôn được phát triển tại xã Bình Mỹ, Hòa Phú, Trung Lập Thượng, Trung Lập Hạ, Thái Mỹ, Trung An, Phú Mỹ Hưng, Tân Thạnh Đông, Phú Hòa Đông, An Phú, Phạm Văn Cội, Nhuận Đức thuộc huyện Củ Chi; xã Xuân Thới Sơn, Thới Tam Thôn, Tân Hiệp, Đông Thạnh, Nhị Bình, Bà Điểm, Xuân Thới Thượng, Xuân Thới Đông thuộc huyện Hóc Môn; xã Phạm Văn Hai, Bình Lợi, Tân Nhựt, Quy Đức, Đa Phước, Hưng Long, Lê Minh Xuân, Tân Quy Tây, Vĩnh Lộc A, Vĩnh Lộc B thuộc huyện Bình Chánh; phía Tây xã Phước Lộc và Nhơn Đức huyện Nhà Bè; xã Bình Khánh, Lý Nhơn, An Thới Đông, Tam Thôn Hiệp, Thạnh An thuộc huyện Cần Giờ;

- Vùng bảo tồn thiên nhiên được bảo vệ nghiêm ngặt gồm vùng bảo tồn và phục hồi sinh thái trong khu bảo tồn thiên nhiên rừng ngập mặn Cần Giờ thuộc khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ, rừng đặc dụng phòng hộ tại huyện Củ Chi, Bình Chánh.

6. Phân khu chức năng:

a) Khu nội thành cũ: gồm 13 quận nội thành hiện hữu, với tổng diện tích khoảng 14.200 ha, quy mô dân số dự kiến đến năm 2025 khoảng 4,5 triệu người;

Nguyên tắc phát triển: cải tạo, chỉnh trang hiện trạng, xác định về tầng cao, hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng phù hợp với từng khu chức năng, từng khu vực. Trên cơ sở kết hợp giữ gìn, bảo vệ các di sản văn hóa và các công trình kiến trúc có giá trị, tổ chức sắp xếp lại mạng lưới giao thông, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị, từng bước hạ ngầm các đường dây kỹ thuật (cáp điện, thông tin liên lạc) bố trí, sắp xếp vào trong hào kỹ thuật; xây dựng mạng lưới các công trình phúc lợi công cộng; giải tỏa các khu nhà lụp xụp trên kênh rạch và khu phố; di chuyển các xí nghiệp công nghiệp và các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, cụ thể:

- Khu nội thành cũ có trung tâm tổng hợp chính nằm trên địa bàn các quận 1, quận 3, một phần quận 4, Bình Thạnh với chức năng hành chính, văn hóa, lịch sử, du lịch và dịch vụ đa ngành có quy mô 930 ha;

- Khu vực cần bảo tồn di sản kiến trúc, lịch sử, cảnh quan, cần rà soát, giữ nguyên các công trình, biệt thự có kiến trúc đặc thù có giá trị tại khu trung tâm tổng hợp chính hiện hữu tại quận 1, quận 3, một phần quận 4; khu vực Bà Chiểu (quận Bình Thạnh); khu vực Chợ Lớn (quận 5 và quận 6) có quy mô khoảng 120 ha;

- Các khu vực còn lại quy hoạch, cải tạo, chỉnh trang kết hợp với xây dựng mới một số ô phố theo hướng không tăng dân số; tầng cao phù hợp và giảm mật độ xây dựng, để dành quỹ đất phát triển các công trình phúc lợi công cộng, dịch vụ và cây xanh, có quy mô khoảng 13.150 ha (trong đó quy hoạch phát triển khu đô thị Bình Quới - Thanh Đa với quy mô khoảng 400 ha).

b) Khu nội thành phát triển: gồm 6 quận mới, với tổng diện tích khoảng 35.200 ha, quy mô dân số dự kiến đến năm 2025 khoảng 2,9 triệu người.

Nguyên tắc phát triển khu vực: tập trung đầu tư xây dựng các khu đô thị mới có quy mô lớn, hiện đại, đồng bộ về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị, các công trình đường dây, đường ống phải được bố trí sắp xếp trong tuynen hoặc hào kỹ thuật. Cụ thể:

Trong khu nội thành phát triển có khu trung tâm tổng hợp chính mở rộng nằm trong khu đô thị mới Thủ Thiêm, quận 2 sẽ bổ sung các chức năng du lịch, dịch vụ đa ngành cho trung tâm tổng hợp chính hiện hữu không còn khả năng phát triển. Xây dựng một số công trình ngầm về giao thông, công trình công cộng và bãi đỗ xe ngầm tại một số địa điểm trong khu vực này.

- Hướng Đông - Bắc với hạt nhân khu công nghệ cao có quy mô 872 ha, Khu Đại học quốc gia có quy mô 800 ha (trong đó diện tích đất thuộc thành phố Hồ Chí Minh khoảng 200 ha), công viên văn hóa - lịch sử - dân tộc có quy mô 395 ha và một số khu chức năng khác, hình thành khu đô thị khoa học - công nghệ tại quận Thủ Đức và quận 9;

- Hướng Bắc phát triển khu đô thị sinh thái kết hợp du lịch, nghỉ dưỡng có quy mô khoảng 1.000 ha tại quận 12;

- Hướng Tây phát triển một số khu dân cư mới thuộc quận Bình Tân có quy mô khoảng 750 ha gần với các khu công nghiệp tập trung ;

- Hướng Nam tập trung phát triển khu đô thị mới Nam thành phố với quy mô khoảng 3.000 ha theo đúng quy hoạch được phê duyệt.

c) Các thị trấn, khu dân cư nông thôn và khu đô thị mới tại địa bàn ngoại thành: gồm 5 huyện ngoại thành, với tổng diện tích là 160.200 ha, quy mô dân số dự kiến đến năm 2025 khoảng 2,6 triệu người, trong đó dân số nông thôn khoảng 0,5 triệu người.

Nguyên tắc phát triển khu vực: tập trung đầu tư xây dựng các điểm dân cư nông thôn theo mô hình nông thôn mới và đầu tư xây dựng một số khu đô thị vệ tinh hiện đại tạo động lực phát triển các huyện ngoại thành, có mô hình ở phù hợp với đặc thù nhiều sông nước, điều kiện địa hình, địa chất thủy văn, đảm bảo phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sống đô thị. Xác định quy mô, diện tích và bảo vệ các khu vực đất nông nghiệp không được chuyển đổi chức năng và Quỹ đất dành cho hệ thống cây xanh, công viên của thành phố phục vụ du lịch sinh thái, vui chơi, giải trí. Quản lý chặt chẽ quỹ đất dành cho đầu tư xây dựng các khu và cụm công nghiệp tập trung để bảo vệ môi trường, cụ thể:

- Các thị trấn trung tâm huyện có quy mô khoảng 5.900 ha với dân số khoảng 330.000 người: cải tạo nâng cấp hạ tầng xã hội và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị theo hướng phát triển văn minh, hiện đại, thân thiện môi trường;

- Phát triển hai khu đô thị mới quy mô lớn là: khu đô thị Tây - Bắc tại huyện Củ Chi, Hóc Môn có diện tích khoảng 6.000 ha và Khu đô thị cảng Hiệp Phước tại huyện Nhà Bè có diện tích khoảng 3.900 ha (trong đó sông rạch khoảng 1.000 ha);

- Hướng Bắc thuộc địa bàn Hóc Môn và Củ Chi phát triển thêm một số khu dân cư mới gắn với khu vực thị trấn, điểm dân cư nông thôn và các khu công nghiệp tập trung;

- Hướng Tây thuộc huyện Bình Chánh và hướng Nam thuộc huyện Nhà Bè phát triển một số khu dân cư mới theo dạng cụm để phù hợp điều kiện địa chất thủy văn không thuận lợi, bảo vệ hệ thống sông rạch;

- Bảo vệ quỹ đất của vùng nông nghiệp quy mô khoảng 43.600 ha, tại các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè, Cần Giờ để hình thành 3 tuyến vành đai sinh thái với không gian xanh kết hợp với đất nông nghiệp, đất dự trữ tạo không gian mở ở khu vực phía Bắc thuộc khu vực huyện Củ Chi, Hóc Môn, phía Tây thuộc huyện Bình Chánh và phía Nam thuộc huyện Nhà Bè, Cần Giờ;

- Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các khu - cụm công nghiệp tại các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường;

d) Các khu - cụm công nghiệp tập trung:

- Di dời các xí nghiệp công nghiệp gây ô nhiễm môi trường ra khỏi nội thành cũ, hạn chế phát triển công nghiệp trong khu vực nội thành phát triển; trong Thành phố không phát triển các cụm công nghiệp mới và có kế hoạch chuyển đổi các cụm công nghiệp lên khu công nghiệp;

- Tại các khu công nghiệp mở rộng và hình thành mới, tập trung phát triển các ngành công nghiệp sạch không gây ô nhiễm môi trường, hiện đại, có hàm lượng khoa học cao, giá trị gia tăng lớn, sử dụng ít lao động phổ thông;

- Các khu - cụm công nghiệp tập trung: 1 khu công nghệ cao có diện tích 872 ha; 20 khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất có diện tích 6.020 ha và các cụm công nghiệp địa phương (cũ và mới) có diện tích 1.900 ha.

đ) Hệ thống các trung tâm:

- Trung tâm tổng hợp chính của thành phố tại khu nội thành cũ trên địa bàn quận 1, quận 3 và một phần quận 4, Bình Thạnh có quy mô 930 ha, mở rộng Trung tâm tổng hợp chính mới sang khu Thủ Thiêm, quận 2 có diện tích 737 ha;

- Các trung tâm cấp thành phố tại bốn hướng như sau: ở phía Đông vị trí tại phường Long Trường, quận 9 giáp với trục cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây có diện tích khoảng 280 ha; ở phía Nam thuộc khu A của đô thị mới Nam Thành phố có diện tích khoảng 110 ha; ở phía Bắc thuộc khu đô thị mới Tây - Bắc có diện tích khoảng 500 ha; ở phía Tây khu vực giáp quốc lộ 1 thuộc xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh có diện tích khoảng 200 ha. Bổ sung thêm một trung tâm khu vực phụ ở phía Bắc tại huyện Hóc Môn có diện tích khoảng 50 ha và một ở phía Nam tại huyện Nhà

Bè có diện tích khoảng 50 ha nhằm đảm bảo bán kính phục vụ và tạo động lực phát triển cho các khu vực này.

e) Hệ thống các trung tâm chuyên ngành:

- Trung tâm đào tạo đại học, nghiên cứu khoa học: ngoài Khu Đại học quốc gia Thành phố, bố trí thêm các trung tâm ở các khu vực, như sau:

+ Ở phía Nam, trong Khu đô thị Nam thành phố có diện tích khoảng 130 ha và ở huyện Nhà Bè có diện tích khoảng 115 ha;

+ Ở phía Tây thuộc huyện Bình Chánh có diện tích khoảng 500 ha;

+ Ở phía Đông tại quận 9 có diện tích khoảng 200 ha;

+ Ở phía Bắc tại huyện Củ Chi, Hóc Môn có diện tích khoảng 600 ha.

- Hệ thống bệnh viện và trung tâm y tế: phát triển xây dựng các bệnh viện đa khoa và chuyên ngành tại các khu vực sau :

+ Khu vực phía Đông trên địa bàn quận 2, quận 9 và Thủ Đức có diện tích khoảng 65 ha;

+ Khu vực phía Nam trên địa bàn quận 7, huyện Nhà Bè, Cần Giờ có diện tích khoảng 115 ha;

+ Khu vực phía Bắc trên địa bàn quận 12, huyện Hóc Môn, Củ Chi có diện tích khoảng 260 ha;

+ Khu vực phía Tây trên địa bàn quận Tân Phú, Bình Tân, huyện Bình Chánh có diện tích khoảng 140 ha.

Bên cạnh phát triển các bệnh viện, tiếp tục xây dựng mô hình viện - trường và các trung tâm nghiên cứu kết hợp thực nghiệm y - dược.

- Trung tâm văn hóa, thể thao:

+ Khu lịch sử - văn hoá - dân tộc bố trí tại phía Bắc quận 9 có diện tích khoảng 395 ha;

+ Thảo cầm viên, vườn thú bố trí tại huyện Củ Chi có diện tích khoảng 485 ha;

+ Trung tâm thể dục thể thao bố trí tại Rạch Chiếc, quận 2 có diện tích khoảng 220 ha;

+ Trung tâm sinh hoạt, vui chơi, giải trí, thể dục thể thao bố trí gần với sông rạch hồ nước, không gian xanh ở các quận mới và huyện ngoại thành.

- Các công trình phúc lợi công cộng (giáo dục, y tế, văn hoá, cây xanh, công viên) cơ quan hành chính quản lý nhà nước bố trí gần với các trung tâm (khu vực) cấp thành phố và trung tâm của quận, huyện.

g) Hệ thống các khu công viên, cây xanh, không gian mở, mặt nước:

- Đối với các quận nội thành cũ: giữ gìn, cải tạo các khu công viên, cây xanh hiện hữu có diện tích khoảng 200 ha. Tận dụng quỹ đất của các cơ sở công nghiệp phải di dời để phát triển thêm diện tích công viên, cây xanh có diện tích khoảng 250 ha ;

- Bảo vệ và quản lý tốt khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ có diện tích khoảng 75.000 ha; rừng phòng hộ, rừng đặc dụng thuộc địa bàn huyện Bình Chánh có diện tích khoảng 1.500 ha, Củ Chi có diện tích khoảng 2.250 ha;

- Bố trí trục cây xanh cảnh quan, mặt nước kết hợp du lịch, giải trí dọc hai bên bờ sông Sài Gòn, sông Đồng Nai và sông Nhà Bè có diện tích khoảng 7.000 ha. Dải cây xanh dọc các sông lớn trên địa bàn các huyện, nhiều đoạn, nhiều điểm có chiều rộng lớn, với bề rộng từ 50 - 800 m. Đầu tư để hình thành ba (03) tuyến vành đai sinh thái với không gian xanh kết hợp với đất nông nghiệp bề rộng 2.000 - 3.000 m. Đất dự trữ, trồng cây xanh tạo không gian mở ở khu vực phía Bắc thuộc khu vực huyện Củ Chi, Hóc Môn, phía Nam thuộc huyện Nhà Bè, Cần Giờ và phía Tây thuộc huyện Bình Chánh.

h) Các khu vực bảo tồn và cấm xây dựng:

- Cấm xây dựng trong khu vực bảo vệ nghiêm ngặt (diện tích khoảng 33.000 ha) trong khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ diện tích khoảng 75.000 ha; rừng phòng hộ, rừng đặc dụng thuộc địa bàn huyện Củ Chi diện tích khoảng 2.250 ha và huyện Bình Chánh diện tích khoảng 1.500 ha;

- Cấm và hạn chế xây dựng trong các khu vực vành đai bảo vệ an toàn cảng hàng không Tân Sơn Nhất; các khu quốc phòng, an ninh;

- Cấm và hạn chế xây dựng trong khu vực hành lang bảo vệ dọc sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, sông Nhà Bè;

- Hạn chế phát triển đô thị trong các khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp có chức năng kết hợp làm vành đai sinh thái của Thành phố.

7. Hướng dẫn thiết kế đô thị:

Phát triển không gian đô thị theo những nguyên tắc: tuân theo định hướng phát triển không gian đô thị; phù hợp với các khu chức năng và sử dụng đất; điều kiện địa chất công trình và địa chất thủy văn, cụ thể:

a) Các khu vực kiến trúc cảnh quan:

- Khu vực kiến trúc bảo tồn đặc biệt: các khu vực thuộc Trung tâm tổng hợp chính hiện hữu (quận 1, quận 3, một phần quận 4, quận Bình Thạnh); Trung tâm Chợ Lớn (quận 5 và quận 6);

- Khu vực kiến trúc cảnh quan có điều kiện địa chất thủy văn thuận lợi (huyện Củ Chi): với tiêu chí cơ bản là “vành đai sinh thái”, có vai trò là trục phát triển, bảo đảm môi trường sống có chất lượng cao;

- Khu vực kiến trúc cảnh quan có điều kiện địa chất thủy văn không thuận lợi (huyện Nhà Bè): với tiêu chí cơ bản là “phát triển theo cụm”, nhóm nhỏ, hình thành mô hình đô thị có kiến trúc thấp tầng với tổ chức không gian dựa theo địa hình đặc thù sông nước.

b) Khu vực phát triển kiến trúc cảnh quan đặc biệt:

- Các khu trung tâm khu vực cấp thành phố: các công trình phúc lợi công cộng, dịch vụ đa ngành và nhà ở có hình thức kiến trúc hiện đại, có bản sắc;

- Các khu đô thị mới: các công trình được thiết kế theo mô hình ở mới, có kiến trúc hài hòa với môi trường cảnh quan thiên nhiên;

- Các công trình điểm nhấn: vị trí đặt công trình là điểm nhấn tại cửa ngõ đường bộ, hàng không và đường biển của Thành phố và tại các khu vực trung tâm như Thủ Thiêm, bờ sông Sài Gòn, Công viên 23/9,...;

- Các tuyến giao thông cảnh quan đô thị: nghiên cứu và áp dụng những chỉ tiêu về cây xanh, tầng cao, khoảng lùi công trình nhằm bảo đảm được tính thẩm mỹ cho các khu đô thị;

- Các quảng trường chính gồm : Thủ Thiêm, Thanh Đa và 23/9 được thiết kế cảnh quan bảo đảm tổ chức các hoạt động văn hoá, vui chơi, giải trí cho người dân Thành phố;

- Cây xanh, mặt nước: với địa hình đặc thù nhiều sông nước, bảo vệ và cải tạo hệ thống sông rạch, xây dựng hành lang cây xanh và công trình bảo vệ chống silt sông rạch để phát triển bền vững.

8. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật:

a) Hệ thống giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Giao thông đường bộ: trục giao thông xây dựng theo tiêu chuẩn đường cao tốc đô thị. Bao gồm: 3 đường vành đai (các vành đai số 2, số 3 và số 4);

các trục hướng tâm đối ngoại: trục thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu (Xa lộ Hà Nội); trục thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây; trục thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành (quốc lộ 13); trục quốc lộ 1K - Bình Phước; trục thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài (2 tuyến); trục cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Cần Thơ; trục quốc lộ 1 phía Tây; trục thành phố Hồ Chí Minh - Long An (tỉnh lộ 10); trục thành phố Hồ Chí Minh - Gò Công (quốc lộ 50);

+ Giao thông đường sắt quốc gia: cải tạo, nâng cấp tuyến đường sắt Thống Nhất (Bắc Nam) khu vực thành phố Hồ Chí Minh đoạn Trảng Bom - Bình Triệu, trong đó xây dựng tuyến tránh Biên Hoà về phía Nam và xây dựng mới đoạn đường sắt trên cao (hoặc đi ngầm) Bình Triệu - Hoà Hưng - Tân Kiên; xây dựng mới 2 tuyến đường sắt đi Biên Hoà và Lộc Ninh; tuyến đường sắt điện khí hoá cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Nha Trang kết nối tại ga Thủ Thiêm dự kiến. Xây dựng mới tuyến đường sắt chuyên dụng từ đường sắt quốc gia tới cảng Cát Lái và Hiệp Phước. Tổng cộng có 6 tuyến với tổng chiều dài khoảng 226 km;

+ Giao thông đường thủy: cải tạo, nạo vét để đảm bảo lưu thông cho hai luồng sông Lòng Tàu và sông Soài Rạp ra biển; bốn luồng sông đi các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; một luồng đi Bến Súc, đảm bảo đạt tiêu chuẩn sông cấp III;

Các cảng biển phải di dời là Tân Cảng, Xí nghiệp liên hiệp Ba Son, cảng Nhà Rồng và Khánh Hội thuộc cảng Sài Gòn, cảng Tân Thuận Đông, cảng Rau quả và cảng Bến Nghé. Đầu tư xây dựng phát triển khu cảng Cát Lái, cảng Hiệp Phước. Tổng công suất cụm cảng khu vực thành phố Hồ Chí Minh dự kiến năm 2010 khoảng 76 triệu tấn/năm; năm 2020 - 2025 khoảng 200 triệu tấn/năm.

+ Giao thông đường không: Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất sẽ trở thành điểm trung chuyển hàng không của khu vực và thế giới; cải tạo, nâng công suất khoảng 20 triệu hành khách/năm. Phát triển kết cấu hạ tầng cho sân bay đủ khả năng tiếp nhận các máy bay hiện đại hoạt động 24/24 giờ. Xây dựng cảng hàng không quốc tế Long Thành (tỉnh Đồng Nai) với công suất 100 triệu hành khách/năm.

- Giao thông đối nội:

+ Đường đô thị:

- Đối với các quận nội thành cũ các trục giao thông giữ nguyên mặt cắt ngang hiện hữu chỉ cải tạo, nâng cấp mặt đường đảm bảo lưu thông cho các loại phương tiện;

- Đối với các khu đô thị mới tại các quận mới và huyện ngoại thành khi xây dựng phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn thiết kế mặt cắt ngang đường theo cấp và loại đường đô thị.

Cụ thể: nâng cấp, mở rộng và hoàn thiện các tuyến tỉnh lộ hướng tâm nhằm hỗ trợ cho các trục hướng tâm đối ngoại và hoàn thiện các đường chính nội đô cấp I, II. Xây dựng 4 tuyến đường trên cao. Xây dựng mới 19 cầu đường bộ vượt sông Đồng Nai, Sài Gòn, Nhà Bè, Lòng Tàu, Thị Vải (trong đó bổ sung cầu Bình Quới, Thanh Đa sang Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức) và hầm qua sông Sài Gòn (hầm đường bộ và hầm metro). Cải tạo bến, bãi hiện có và xây dựng các bến bãi mới để hình thành mạng lưới giao thông tỉnh, đáp ứng yêu cầu đỗ xe. Xây dựng các bến xe tải chuyển tiếp hàng hóa ở cửa ngõ ra vào thành phố với diện tích 243 ha. Xây dựng các bãi đậu xe ngầm tại công viên Lê Văn Tám, Chi Lăng; sân vận động Hoa Lư, sân bóng đá Tao Đàn, khu vực đường Nguyễn Du và Cách mạng Tháng Tám,... và các bãi đỗ xe cao tầng.

+ Đường sắt đô thị: kết hợp sử dụng các tuyến đường sắt quốc gia cho chạy tàu ngoại ô và xây dựng 2 tuyến đường sắt nhẹ: tuyến Trảng Bàng - Tân Thới Hiệp, kết nối tại ga Tân Thới Hiệp; tuyến Thủ Thiêm - Nhơn Trạch - Cảng hàng không quốc tế Long Thành, kết nối tại ga Thủ Thiêm.

Xây dựng hệ thống đường sắt đô thị chuyên chở khối lượng lớn hoặc trung bình (MRT/LRT) gồm 06 tuyến với tổng chiều dài khoảng 120 km và 07 khu ga kỹ thuật. Xây dựng 03 tuyến đường sắt đô thị loại hình khác nhau như: xe điện chạy trên mặt đất (tramway), đường sắt một ray tự động dẫn hướng đi trên cao (monorail) với tổng chiều dài 35km và 03 khu ga kỹ thuật. Các nhà ga đường sắt đô thị, đặc biệt các ga ngầm và ga chuyển tàu sẽ kết hợp hình thành các khu trung tâm thương mại - dịch vụ theo quy hoạch đô thị; phát triển các tuyến đường sắt đô thị chuyên chở khối lượng lớn đến khu cảng Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, đến khu đô thị Tây - Bắc, huyện Củ Chi và ra cảng hàng không Quốc tế Long Thành dự kiến ;

+ Giao thông đường thủy: cải tạo, nạo vét để bảo đảm lưu thông cho hai tuyến vành đai thủy đạt tiêu chuẩn kênh sông cấp IV, V. Xây dựng các cảng sông là cảng hàng hóa, gồm cảng Phú Định tại quận 8, cảng Nhơn Đức tại huyện Nhà Bè; cảng hành khách tại quận 4, quận 7 và huyện Nhà Bè.

b) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Quy hoạch chiều cao đất xây dựng:

Tùy theo vị trí các khu vực của thành phố, cao độ nền không chế được quy định như sau:

+ Đối với khu nội thành hiện hữu gồm 13 quận cũ: toàn bộ khu vực nằm trong vùng bờ hữu sông Sài Gòn - Nhà Bè thuộc hệ thống đê bao công điều tiết khép kín, cao độ mặt đê thay đổi từ 2,5 m đến 3,0 m; cao độ xây dựng không chế $H_{xd} \geq 2,00$ m. Cao độ nền xây dựng từng khu vực được tính toán phù hợp với cao độ xây dựng không chế toàn khu vực, bảo đảm nền không bị ngập, không bị sạt lở. Giữ nguyên nền đất hiện hữu, chú trọng việc hoàn thiện mặt phủ đồng thời với các biện pháp quy hoạch và quản lý đô thị nhằm nâng cao diện tích cây xanh, thảm cỏ (đối với khu không chịu ảnh hưởng triều); tôn nền các khu vực có thể giải tỏa và xây dựng tập trung, còn lại chủ yếu sử dụng các biện pháp mang tính cục bộ để bảo vệ nền đất như xây đê; nâng cao mặt đường; lấp đặt van đóng mở một chiều ... (đối với khu chịu ảnh hưởng triều);

+ Đối với khu nội thành phát triển gồm 6 quận mới: đối với quận 7, quận 12, quận Bình Tân thuộc vùng bờ hữu sông Sài Gòn - Nhà Bè, cao độ xây dựng không chế $H_{xd} \geq 2,00$ m; đối với 3 quận 2, quận 9, quận Thủ Đức thuộc vùng bờ tả sông Sài Gòn - Nhà Bè, cao độ xây dựng không chế $H_{xd} \geq 2,00$ m (đối với khu vực nằm trong đê bao) và $H_{xd} \geq 2,50$ m (đối với khu vực nằm ngoài đê bao). San, đắp phù hợp với cao độ không chế, kết hợp tận dụng địa hình tự nhiên, giữ lại sông, rạch để hỗ trợ tiêu thoát nước và tạo cảnh quan cho đô thị;

+ Đối với các khu dân cư nông thôn và khu đô thị mới tại 5 huyện ngoại thành: 04 huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh và Nhà Bè thuộc vùng bờ hữu sông Sài Gòn - Nhà Bè, cao độ xây dựng không chế $H_{xd} \geq 2,00$ m; giải pháp quy hoạch chiều cao đất xây dựng như khu nội thành hiện hữu. Tại huyện Cần Giờ thuộc vùng bờ tả sông Nhà Bè - Soài Rạp: cao độ xây dựng không chế trong đê $H_{xd} \geq 2,00$ m, không xây dựng mới những khu vực ngoài đê. Trước mắt sử dụng hệ thống đê bao nhỏ và đê biển để chống ngập úng. Không thay đổi môi trường, làm gia tăng dòng chảy mặt, phù hợp với quy hoạch thủy lợi, bảo đảm thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu.

- Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

+ Cải tạo, xây dựng hệ thống thoát nước mưa, tại khu vực nội thành cũ vẫn sử dụng hệ thống cống chung thoát nước mưa và nước thải; tại các khu vực xây dựng mới sử dụng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng;

+ Đối với toàn bộ khu nội thành hiện hữu, 3 quận mới là quận 7, quận 12, quận Bình Tân và 4 huyện ngoại thành: Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh và Nhà Bè thuộc vùng bờ hữu sông Sài Gòn - Nhà Bè: hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa và tách nước thải ra khỏi hệ thống cống chung, nạo vét mở rộng kênh rạch kết hợp với các giải pháp cục bộ để xóa các điểm ngập (xây đê tạm,

nâng cao mặt đường, lắp đặt cửa van đóng mở một chiều, bố trí các trạm bơm tiêu ...);

+ Đối với 3 quận mới là quận 2, quận 9 và quận Thủ Đức thuộc vùng bờ tả sông Sài Gòn - Nhà Bè: bố trí hệ thống thoát nước mưa riêng với mạng lưới mương, cống đủ khả năng tiêu thoát nước theo các lưu vực với điều kiện thủy văn đã tính không chế, bố trí các hồ điều tiết tại những nơi có địa hình cao, giữ tối đa các khu đất ngập nước tại những nơi có địa hình thấp. Chú trọng chỉ tiêu cây xanh, thảm cỏ theo quy định, giảm sự gia tăng dòng chảy mặt;

+ Đối với huyện Cần Giờ thuộc vùng bờ tả sông Nhà Bè - Soài Rạp: giữ lại toàn bộ hệ thống sông rạch và phát triển thêm cây xanh ven bờ để gia tăng khả năng điều tiết, không xây dựng các công trình tiêu thoát nước lớn (chỉ bố trí hệ thống thoát nước cho các cụm dân cư nhỏ trong khu vực);

+ Bảo đảm hành lang chỉ giới bảo vệ sông rạch theo quy định quản lý thủy giới.

c) Cấp nước:

- Chỉ tiêu cấp nước: chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt 200 lít/người ngày đêm; cấp nước công nghiệp 50m³/ha ngày đêm được tính trên diện tích đất xây dựng (70% đất khu công nghiệp); dịch vụ công cộng và các chỉ tiêu cấp nước đô thị khác khoảng 38 - 40% chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt; giảm tỷ lệ thất thoát nước xuống dưới 30%;

- Nhu cầu dùng nước: tổng nhu cầu dùng nước của thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2015 khoảng 3.200.000 m³/ngày đêm; đến năm 2025 khoảng 4.100.000 m³/ngày;

- Nguồn nước: được cân đối trong nguồn nước cấp của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (chiếm khoảng 60% toàn Vùng), chủ yếu sử dụng nguồn nước mặt trực tiếp từ hệ thống sông Đồng Nai - Sài Gòn, hồ Trị An, hồ Dầu Tiếng, hồ Phước Hòa và kênh Đông, hạn chế sử dụng nguồn nước ngầm;

- Mạng lưới đường ống cấp nước chính:

+ Các tuyến ống nước thô: xây dựng thêm khoảng 5-7 tuyến ống nước thô D 1.500 - D 2.400 với tổng chiều dài khoảng 100 km, bao gồm: hai tuyến ống D 2.400, từ trạm bơm Hoá An (sông Đồng Nai) về Nhà máy nước Thủ Đức; hai tuyến D 2.000, từ hồ Dầu Tiếng về Nhà máy nước kênh Đông, tiếp nối tuyến ống D 1.500, dài 11,5 km về Nhà máy nước Tân Hiệp; hai tuyến ống D 2.000, dài 42 km từ hồ Trị An về Nhà máy nước Thủ Đức và quận 9; tiếp tục phối hợp với các tỉnh lân cận nghiên cứu sử dụng có hiệu quả nguồn nước từ hồ Phước Hòa;

+ Các tuyến ống chuyển tải và mạng cấp I: được bố trí theo các trục đường chính đô thị theo hướng xuyên tâm Đông - Tây và Bắc - Nam khoảng 15 - 18 tuyến có kích thước D 800 - D 2.400 với tổng chiều dài 330 km - 350 km.

- Các công trình đầu mối: cải tạo nâng cấp Nhà máy nước Thủ Đức (nâng công suất lên 2.000.000 m³/ngày vào năm 2025), Nhà máy nước Bình An (công suất 100.000 m³/ngày), Nhà máy nước Tân Hiệp (nâng công suất lên 600.000 m³/ngày), Nhà máy nước kênh Đông (tổng công suất 700.000 m³/ngày), các Nhà máy nước ngầm với tổng công suất khoảng 140.000 m³/ngày; xây dựng thêm Nhà máy nước quận 9 (công suất 900.000 m³/ngày), phối hợp với các tỉnh lân cận xây dựng các nhà máy nước phục vụ liên vùng để sử dụng hiệu quả các nguồn nước.

d) Cấp điện:

- Chỉ tiêu cấp điện: cấp điện sinh hoạt 2.500-3.000 KWh/người; cấp cho công nghiệp khoảng 400 KW/ha; cấp cho các hoạt động dịch vụ, thương mại khoảng 80 - 90% tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt.

- Nhu cầu sử dụng điện: nhu cầu điện năng tiêu thụ: 68,9 tỷ KWh/năm, điện năng nhận lưới: 73,72 tỷ KWh/năm, phụ tải cực đại P_{max} = 11.580 MW, điện năng tiêu thụ bình quân: 6.890 KWh/người năm;

- Nguồn điện:

+ Nguồn điện cấp cho thành phố Hồ Chí Minh là các nhà máy điện hiện có trên địa bàn thành phố: nhiệt điện Thủ Đức, nhiệt điện Hiệp Phước và hệ thống điện miền Nam thông qua hệ thống truyền tải 500 KV, 220 KV, 110 KV;

+ Nguồn điện cấp cho thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo đủ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, có dự phòng, chất lượng tốt, độ tin cậy cao;

+ Để đảm bảo phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, thành phố cần có chính sách phát triển các nguồn năng lượng tái tạo như: năng lượng mặt trời, năng lượng gió, khí sinh học, khí bãi rác ...;

+ Lưới điện trung hạ thế cải tạo và xây dựng mới ở khu vực nội thành, khu đô thị mới phải sử dụng cáp đi ngầm để đảm bảo an toàn và mỹ quan cho đô thị.

- Lưới điện:

+ Phát triển và cải tạo lưới điện thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo tính hiện đại, độ tin cậy cao, bảo đảm an toàn và mỹ quan đô thị, từng bước hạ

ngầm mạng lưới cấp điện Thành phố, đặc biệt lưới điện cải tạo và xây dựng mới ở khu vực nội thành, khu đô thị mới phải sử dụng cáp đi ngầm;

+ Lưới 500 KV: cải tạo nâng cấp 2 trạm 500 KV hiện hữu, xây dựng thêm 3 trạm 500 KV là Cầu Bông, Thủ Đức Bắc, Củ Chi; với tổng công suất đặt các trạm 500 KV là 10.800 MVA;

+ Lưới 220 KV: cải tạo nâng công suất 6 trạm 220 KV hiện hữu, xây dựng thêm 22 trạm 220 KV; với tổng công suất đặt các trạm 220 KV là 19.000 MVA;

+ Lưới 110 KV: cải tạo nâng công suất 42 trạm 110 KV hiện hữu, xây dựng mới các trạm 110 KV; với tổng công suất đặt các trạm 110 KV khoảng 20.400 MVA, đáp ứng nhu cầu phụ tải phát triển của Thành phố.

- Các công trình đầu mối:

+ Cải tạo nâng cấp các nhà máy điện hiện có trên địa bàn thành phố: nhiệt điện Thủ Đức (công suất 165 MW), Gasturbin Thủ Đức (công suất 128 MW), nhiệt điện Hiệp Phước (nâng công suất lên 675 MW);

+ Các nhà máy điện, các trạm nguồn 500 KV không xây dựng ở khu vực nội thành và các khu đô thị mới; các trạm 220 KV, 110 KV, các tuyến điện cao thế 220 KV, 110 KV xây dựng trong khu nội thành, khu đô thị mới phải sử dụng cáp cách điện đi ngầm và trạm kín.

đ) Thoát nước thải, thu gom, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Thoát nước thải:

+ Tiêu chuẩn thải nước: lấy theo tiêu chuẩn cấp nước tương ứng với từng đối tượng; lượng nước ngầm vào hệ thống cống: 10% lưu lượng trung bình ngày. Tổng lượng nước thải 3,15 - 3,2 triệu m³/ngày, trong đó nước thải công nghiệp 0,32 - 0,35 triệu m³/ngày;

+ Sử dụng hệ thống cống chung cho khu vực nội thành hiện hữu (kết hợp sử dụng giếng tách dòng và hệ thống cống bao để tách và thu gom nước thải) và hệ thống thoát nước riêng cho các khu đô thị mới; các khu vực nằm trong lưu vực thoát nước thải là khu vực nội thành và các khu đô thị mới với mật độ dân số cao (≥ 200 người/ha), các khu vực còn lại có mật độ dân số thấp (< 200 người/ha) sẽ phát triển hệ thống thu gom và xử lý nước thải theo từng cụm dân cư nhỏ. Nước thải sinh hoạt sau xử lý phải đạt theo quy chuẩn quy định; nước thải sản xuất từ tiểu thủ công nghiệp, hộ gia đình xen cài trong khu dân cư phải đạt chất lượng loại C theo quy chuẩn quy định trước khi xả vào hệ thống cống để đưa đi xử lý chung với nước thải sinh hoạt. Nước thải công

nghiệp không đưa về các nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt, phải được xử lý riêng trong từng khu công nghiệp và đạt chất lượng loại A theo quy chuẩn quy định trước khi thải ra kênh rạch hoặc cống thoát nước mưa;

+ Phân vùng thoát nước thải: khu vực có mật độ dân-cư tập trung cao bao gồm khu vực nội thành hiện hữu và khu nội thành phát triển và các khu đô thị mới sẽ phân chia thành 12 lưu vực thoát nước thải, trong đó khu vực nội thành cũ có 4 lưu vực, khu vực nội thành phát triển và ngoại thành (khu vực phát triển đô thị mới) có 08 lưu vực; nước thải trong khu vực nằm ngoài các lưu vực được nêu trên, sẽ được thu gom và xử lý theo từng khu vực có quy mô nhỏ. Vị trí của các trạm xử lý nước thải khu vực sẽ được xác định trong đồ án quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết;

+ Các công trình đầu mối: xây dựng, hoàn thiện 12 nhà máy xử lý nước thải tập trung cho lưu vực Tàu Hũ - Bến Nghé - Đồi - Tè (nâng công suất lên 512.000 m³/ngày vào năm 2025), lưu vực Tây Sài Gòn (công suất 120.000 m³/ngày), Tân Hoá - Lò Gốm (công suất 300.000 m³/ngày), lưu vực Nam Sài Gòn (công suất 170.000m³/ngày), lưu vực Đông Sài Gòn (công suất 350.000 m³/ngày), lưu vực Bắc Sài Gòn I (công suất 170.000 m³/ngày), lưu vực Bắc Sài Gòn II (công suất 130.000 m³/ngày), lưu vực Tham Lương - Bến Cát (công suất 250.000 m³/ngày), lưu vực Nhiêu Lộc - Thị Nghè (công suất 500.000m³/ngày), lưu vực Bình Tân (công suất 180.000 m³/ngày), lưu vực rạch Cầu Dừa (công suất 100.000 m³/ngày) và lưu vực Tây - Bắc thành phố (công suất 130.000 m³/ngày).

- Chất thải rắn:

+ Tổ chức hệ thống thu gom hợp lý và xây dựng khu xử lý chất thải rắn áp dụng công nghệ tái chế, tái sử dụng, hạn chế chôn lấp;

+ Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt bao gồm cả thương mại, dịch vụ, y tế: 1,2 kg/người/ngày cho khu vực nội thành và 1,0 kg/người/ngày cho khu vực ngoại thành; công nghiệp: 0,5 tấn/ha ngày. Tổng lượng rác thải: khoảng 15.400 tấn/ngày, trong đó rác thải sinh hoạt chiếm hơn 70%;

+ Các công trình đầu mối: cải tạo nâng cấp khu Liên hợp xử lý chất thải rắn (sinh hoạt và công nghiệp) tại Phước Hiệp, huyện Củ Chi với diện tích 690 ha (nâng công suất lên 8.000 tấn/ngày), khu Liên hợp xử lý rác và nghĩa trang Đa Phước, Bình Chánh diện tích 258 ha (cho xử lý rác 200 ha) và khu xử lý rác y tế Bình Hưng Hoà (07 tấn/ngày). Xây dựng mới khu xử lý rác y tế Linh Xuân-Thủ Đức, Đa Phước - Bình Chánh khoảng 20 tấn/ngày; khu Tân

Thành, Thủ Thừa, Long An diện tích 1.760 ha (trong đó thành phố Hồ Chí Minh sử dụng 1.000 ha).

- Nghĩa trang:

+ Đất cho nghĩa trang đáp ứng nhu cầu thực tế với tỷ lệ chôn cất 60% (năm 2015) và 40% (năm 2025). Khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng và đầu tư xây dựng các nhà hỏa táng tại các nghĩa trang xây dựng mới theo hướng công viên nghĩa trang;

+ Các địa điểm dự kiến xây dựng nghĩa trang: cải tạo nâng cấp nghĩa trang Đa Phước diện tích 67,5 ha, nghĩa trang Thành phố tại Củ Chi diện tích 105 ha, nghĩa trang Liệt sỹ tại quận 9 diện tích 25 ha. Xây dựng mới các nghĩa trang Long Thạnh Mỹ, tại quận 9 diện tích khoảng 6 ha, nghĩa trang Đông Thạnh tại huyện Hóc Môn diện tích 10 ha, nghĩa trang Nhơn Đức tại huyện Nhà Bè diện tích 50 ha và thêm một nghĩa trang ở Củ Chi diện tích khoảng 100 ha; sử dụng 2 nghĩa trang của Vùng: nghĩa trang công viên tỉnh Bình Dương, diện tích 190 ha phục vụ khu vực Đông - Bắc thành phố và nghĩa trang Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai diện tích 100 ha, phục vụ khu vực Đông - Nam thành phố.

e) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Khai thác sử dụng hợp lý có hiệu quả đất đai và nguồn lực tự nhiên:

+ Khai thác, sử dụng đất đai: phải thực hiện đúng mục đích, quy mô và tuân thủ chặt chẽ tiêu chí, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đã quy định trong các quy hoạch chuyên ngành phù hợp với quy hoạch tổng thể, kế hoạch sử dụng đất từng thời kỳ trên địa bàn thành phố, quận và huyện;

+ Khai thác các nguồn lực tự nhiên: khai thác các nguồn lực tự nhiên thông qua đầu tư, phát triển phải thực hiện đồng bộ, tập trung đúng theo quy hoạch phát triển chuyên ngành, tuân thủ chặt chẽ quy trình kỹ thuật, công nghệ và các giải pháp bảo vệ môi trường.

- Bảo vệ hệ sinh thái rừng phòng hộ và rừng ngập mặn:

+ Khôi phục và bảo vệ hệ sinh thái rừng tự nhiên và thảm xanh hiện hữu tại huyện Hóc Môn, Bình Chánh và đặc biệt rừng ngập mặn tại khu dự trữ sinh quyển tại huyện Cần Giờ. Duy trì và ổn định vùng trồng cây công - nông nghiệp tại Củ Chi, Bình Chánh, Nhà Bè;

+ Khoanh vùng đất bảo vệ khu vực dọc sông: phát triển thảm thực vật tại các khu vực dọc theo sông Đồng Nai, sông Sài Gòn để phòng hộ và bảo vệ

nguồn nước ngọt và nước ngầm. Nghiêm cấm xây dựng các loại hình công nghiệp độc hại như dệt, nhuộm, giấy, thuốc da; công nghiệp nặng như sắt, thép, công nghiệp sản xuất xe gắn máy, xe ô tô,... trong vùng nước ngọt của hai sông này. Dọc theo bờ sông từ biên mặn trở lên, các khu công nghiệp, các nhà máy, xí nghiệp phải có hệ thống xử lý nước thải và phải bảo đảm khoảng cách ly xây dựng để kiểm soát nước thải và dễ xử lý khi có sự cố.

- Khai thác và sử dụng nguồn nước:

+ Nguồn nước mặt: khai thác nguồn nước mặt từ các sông Đồng Nai, sông Sài Gòn và các hồ chứa Dầu Tiếng, Trị An, Phước Hòa đúng theo quy hoạch cân bằng nguồn nước và tuân thủ quy trình kỹ thuật. Nghiêm cấm xây dựng các nhà máy công nghiệp xả nước thải độc hại trong vùng bảo vệ nguồn nước;

+ Nguồn nước ngầm: đánh giá trữ lượng để quy hoạch khai thác sử dụng hợp lý, đúng quy trình kỹ thuật... phân bổ hợp lý, hạn chế sử dụng nguồn nước ngầm, không khai thác tập trung trên từng khu vực, với thời gian liên tục quá mức, dẫn đến cạn kiệt, hạ thấp mực nước ngầm, làm suy giảm trữ lượng và kéo theo các tác động khác không kiểm soát được, suy giảm chất lượng môi trường.

- Kiểm soát hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản:

+ Quy hoạch và kiện toàn hệ thống các trung tâm, các trạm bảo vệ thực vật bảo đảm khả năng kiểm soát đầu vào và đầu ra trong hoạt động sử dụng phân bón và các hoá chất bảo vệ thực vật;

+ Thành lập hệ thống bảo vệ thủy, hải sản bên cạnh hệ thống thú y, hệ thống bảo vệ gia súc, gia cầm, thủy cầm bảo đảm khả năng kiểm soát chất lượng nước đầu vào, đầu ra, các loại vacxin và các loại thuốc chữa bệnh.

- Xây dựng hệ thống quản lý môi trường:

+ Xây dựng hệ thống giám sát, phân tích, đánh giá khách quan hiệu quả môi trường;

+ Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong công tác quản lý môi trường.

9. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư:

a) Đầu tư xây dựng các khu đô thị mới:

- Khu trung tâm đô thị mới Thủ Thiêm, quận 2 có quy mô khoảng 737 ha;

- Khu đô thị cảng Hiệp Phước, huyện Nhà Bè có quy mô khoảng 3.900 ha (trong đó diện tích sông, rạch khoảng 1.000 ha);

- Khu đô thị Tây - Bắc thành phố có quy mô khoảng 6.000 ha;

- Khu công nghệ cao tại quận 9 có quy mô khoảng 872 ha.

b) Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và xã hội chính:

- Các tuyến tàu điện ngầm; hệ thống đường vành đai, đầu mối giao thông đối ngoại, các nút giao thông chính;

- Hệ thống trung tâm y tế, giáo dục đào tạo, văn hoá, thể dục thể thao cấp thành phố;

- Hệ thống hồ điều hòa, công viên cây xanh và không gian mở dọc hai bên bờ sông Sài Gòn, sông Đồng Nai và sông Nhà Bè; tại vành đai sinh thái ở khu vực phía Bắc thuộc khu vực huyện Củ Chi, Hóc Môn; phía Nam thuộc huyện Nhà Bè, Cần Giờ và phía Tây thuộc huyện Bình Chánh;

- Chương trình nhà ở xã hội, nhà cho công nhân, nhà cho sinh viên;

- Đầu tư giai đoạn I, chống ngập khu vực bờ hữu sông Sài Gòn - Nhà Bè thực hiện theo Quyết định số 1547/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng khu vực thành phố Hồ Chí Minh.

10. Cơ chế, chính sách quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch:

a) Giải pháp tăng cường môi liên kết vùng:

Phối hợp với các tỉnh trong Vùng thành phố Hồ Chí Minh tuân thủ quy hoạch vùng; liên kết, hỗ trợ cùng đầu tư phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, hạ tầng chính, khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường chung cả Vùng.

b) Giải pháp về cơ chế, chính sách:

- Hoàn thiện, bổ sung và xây dựng mới những quy định pháp lý liên quan đến quy hoạch xây dựng và quản lý phát triển đô thị;

- Xây dựng danh mục và các giải pháp bảo vệ, tôn tạo các công trình có giá trị văn hoá lịch sử và công trình kiến trúc có giá trị; cơ chế, chính sách, quy định, hướng dẫn việc triển khai không gian ngầm; những vùng đất trũng,

ngập; những khu vực cần bảo tồn về mặt di tích, lịch sử, bảo vệ môi trường thiên nhiên v.v...

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh triển khai thực hiện các công việc sau:

1. Ban hành Quy định quản lý theo điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố được duyệt.

2. Công bố công khai đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 được duyệt.

3. Triển khai lập, điều chỉnh quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị để cụ thể hóa đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng, làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật khung của đô thị và các dự án đầu tư xây dựng.

4. Tổ chức lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, mô hình sa bàn tại các khu trung tâm, quận, huyện, tiến tới lập mô hình sa bàn toàn Thành phố.

5. Lập kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và xác định cơ quan quản lý Quỹ đất này để không bị lấn chiếm và sử dụng sai mục đích quy hoạch.

6. Quản lý chặt chẽ việc đầu tư xây dựng theo phân khu chức năng được quy định trong quy hoạch chung và các hướng dẫn liên quan về xây dựng đô thị.

7. Đối với các khu đô thị mới phải quản lý chặt chẽ, nhằm bảo đảm chủ đầu tư phải xây dựng đồng bộ hạ tầng xã hội với hạ tầng kỹ thuật, phải kết nối được với mạng lưới hạ tầng chung của đô thị.

8. Lập kế hoạch, chương trình để đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý đô thị.

9. Quản lý phát triển không gian đô thị (khống chế tốc độ đô thị hóa các khu vực theo quy hoạch); đề xuất các giải pháp đồng bộ để kiểm soát đến hạn chế việc tăng dân số cơ học; tắc nghẽn giao thông; xây dựng các phương án phòng chống thiên tai (biến đổi khí hậu toàn cầu, ...), bảo vệ môi trường đô thị.

10. Nhóm giải pháp về nguồn lực tài chính phát triển đô thị: xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch đầu tư phát triển cho từng giai đoạn; xây dựng cơ chế, chính sách để huy động các nguồn vốn cho đầu tư xây dựng phát triển thành phố; xây dựng chính sách thu thuế với các chủ thể hưởng lợi sau đầu tư hạ tầng kỹ thuật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Giao thông vận tải, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thành Ủy, HĐND, UBND TP Hồ Chí Minh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ: KTTH, NC, ĐP;
- Lưu: Văn thư, KTN(5b), Nghĩa (40)

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hoàng Trung Hải